

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12201 /UBND-THKH

Thanh Hoá, ngày 09 tháng 10 năm 2017

V/v góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Kính gửi:



- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Sở Y tế;
- Sở Giáo dục và Đào tạo.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 5266/BNV-TL ngày 04/10/2017 của Bộ Nội vụ về việc góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

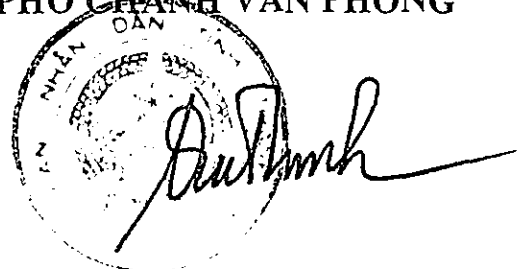
Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Thị Thìn có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở: Tài chính, Y tế, Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu dự thảo Nghị định của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn gửi kèm theo Công văn số 5266/BNV-TL ngày 04/10/2017 của Bộ Nội vụ (có bản sao gửi kèm), tham gia ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Bộ Nội vụ và UBND tỉnh trước ngày 20/10/2017./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND tỉnh Lê Thị Thìn (để b/c);
- Phó CVP Nguyễn Đức Thịnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thịnh

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

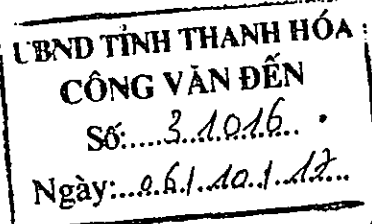
Số: **5266**/BNV-TL

Hà Nội, ngày **04** tháng **10** năm 2017

V/v góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo
Nghị định của Chính phủ về chính sách
đối với cán bộ, công chức, viên chức
và người hưởng lương trong lực lượng
vũ trang công tác ở vùng có điều kiện
kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Hội đồng Dân tộc;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.



Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại công văn số 1906/VPCP-KTTH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc giao Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (thay thế Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2013); Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2009 về chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng

có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (kèm theo).

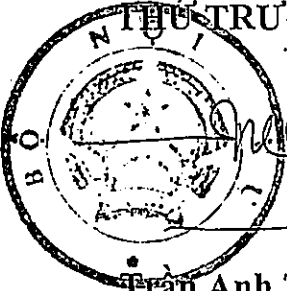
Theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ gửi dự thảo Nghị định nêu trên (kèm theo bản thuyết minh, định hướng xây dựng các chính sách) đến các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan hữu quan để tham gia ý kiến.

Ý kiến tham gia của Quý cơ quan đề nghị gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 20 tháng 10 năm 2017 để tổng hợp trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Lưu: VT, Vụ TL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn

Hà Nội, ngày tháng năm 2017



THUYẾT MINH, ĐỊNH HƯỚNG

Xây dựng Nghị định của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

(kèm theo công văn số 5266 /BNV-TL ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại công văn số 1906/VPCP-KTTH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc giao Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng Nghị định của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (thay thế Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2013); Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2009 về chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), sau khi nghiên cứu, Bộ Nội vụ thuyết minh, định hướng xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn như sau:

1. Tiếp tục thực hiện và kế thừa chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gồm các chế độ phụ cấp, trợ cấp sau:

a) Về phụ cấp công tác lâu năm:

Áp dụng phụ cấp công tác lâu năm đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Về trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch:

Áp dụng trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Về trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu:

Áp dụng trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Về thanh toán tiền tàu xe:

Áp dụng thanh toán tiền tàu xe đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

đ) Về trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

Áp dụng trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về phạm vi áp dụng, chế độ phụ cấp, trợ cấp sau:

a) Về phạm vi điều chỉnh

* Phương án 1:

Vẫn quy định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được áp dụng chính sách của Nghị định. Riêng phụ cấp thu hút mức 50% theo ngạch, bậc,...

* Phương án 2:

Không quy định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được áp dụng chính sách của Nghị định.

Với lý do các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo có điều kiện tốt hơn các xã khu vực II vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mục đích quy định các xã này là để thực hiện chính sách giảm nghèo.

Đối với các xã thuộc huyện nghèo:

Các xã không thuộc diện đặc biệt khó khăn thuộc các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ được áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này.

Với lý do: Theo quy định tại Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định: "Tất cả các xã thuộc huyện nghèo đều được hưởng các cơ chế, chính sách quy định như đối với các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn II.

b) Về phụ cấp thu hút:

Áp dụng phụ cấp thu hút mức 70% mức lương chức vụ, ngạch, bậc hoặc cấp hàm và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (thời gian tối đa không quá 5 năm).

Riêng đối với các xã bãi ngang ven biển và hải đảo có nhiều ý kiến chỉ

áp dụng phụ cấp thu hút mức 50%.

Với lý do: Các xã bãi ngang ven biển và hải đảo có điều kiện tốt hơn xã khu vực II vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Thực chất việc phê duyệt các xã bãi ngang ven biển mục đích là thực hiện chính sách giảm nghèo.

c) Về trợ cấp lần đầu và trợ cấp chuyển vùng: Áp dụng trợ cấp lần đầu, trợ cấp chuyển vùng và quy định chi trả ngay trợ cấp lần đầu, trợ cấp chuyển vùng khi đến nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được chi trả ngay khi đến nhận công tác và chỉ nhận một lần trong suốt quá trình công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Có một số ý kiến nên quy định đến công tác trên 6 tháng ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách. Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn thì không thu hồi số tiền đã chi trả cho đối tượng.

Một số ý kiến thống nhất quy định thời gian công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn 3 năm đối với nữ và 5 năm đối với nam nhưng bổ sung thêm “Trường hợp đã được cấp có thẩm quyền chuyển ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì không thu hồi số tiền đã chi trả cho đối tượng”.

d) Về phụ cấp ưu đãi đối với công chức, viên chức và người lao động ngành giáo dục và y tế được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề mức 70%.

* Phương án 1:

Không quy định phụ cấp ưu đãi trong Nghị định này.

Với lý do: Sẽ phát sinh mâu thuẫn đối với các ngành, nghề khác mà đề sửa đổi bổ sung Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập và Quyết định số 276/2005/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với cán bộ, viên chức tại các cơ sở y tế của Nhà nước.

* Phương án 2:

Vẫn quy định phụ cấp ưu đãi tại Nghị định này.

Với lý do: Để tích hợp chế độ phụ cấp ưu đãi quy định tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ./.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

“ Dự thảo”

NGHỊ ĐỊNH

**Về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương
trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội
đặc biệt khó khăn**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015.

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,
Bộ trưởng Bộ Y tế,*

*Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên
chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện
kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thu hút, phụ cấp công tác lâu năm, một số trợ cấp và thanh toán tiền tàu xe đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân và công an nhân dân) công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 1 Điều này, bao gồm:

a) Huyện đảo Trường Sa, Hoàng Sa, DK1.

b) Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi).

c) Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

* Phương án 1:

Vẫn quy định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được áp dụng chính sách của Nghị định. Riêng phụ cấp thu hút mức 50% theo ngạch, bậc,...

* Phương án 2:

Không quy định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được áp dụng chính sách của Nghị định.

d) Các xã không thuộc diện đặc biệt khó khăn thuộc các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ được áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này.

đ) Các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp,... (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

2.1. Cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (đối tượng hưởng lương từ ngân sách Nhà nước) công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức (kể cả người tập sự) và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

b) Viên chức (kể cả người tập sự, thử việc) và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật, làm việc trong các đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập).

c) Cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn quy định tại Khoản 3, Điều 4 Luật Cán bộ, công chức.

d) Người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu.

2.2. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật và người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, kể cả người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong quân đội nhân dân và công an nhân dân, bao gồm:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) Sỹ quan, hạ sỹ quan hưởng lương, công nhân, nhân viên và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Công an nhân dân.

Đối tượng quy định tại khoản 2.1 và khoản 2.2 Điều này bao gồm người đang công tác và người đến công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (không phân biệt người địa phương hay nơi khác đến) sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2.3. Đối tượng quy định tại Khoản 2.1 và Khoản 2.2 Điều này đã được xếp lương theo quy định tại các văn bản sau:

a) Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn bảng lương chức vụ, bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước; bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành tòa án, ngành kiểm sát và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn bảng lương và phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo Kiểm toán Nhà nước; bảng lương, phụ cấp, trang phục đối với cán bộ, công chức Kiểm toán Nhà nước, chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán viên nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

c) Quyết định số 128-QĐ/TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

d) Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

đ) Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang thuộc đối tượng áp dụng của chính sách quy định tại Nghị định này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

Điều 4. Phụ cấp ưu đãi

1. Viên chức (bao gồm: Nhà giáo, viên chức quản lý giáo dục, viên chức y tế, cán bộ quân y) đang công tác tại các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng phụ cấp ưu đãi mức 70% mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

2. *Viên chức đã được hưởng phụ cấp ưu đãi tại Nghị định này thì không hưởng phụ cấp ưu đãi tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.*

* Phương án 1:

Không quy định phụ cấp ưu đãi trong Nghị định này (vì phát sinh mâu thuẫn đối với các ngành nghề khác).

* Phương án 2:

Vẫn quy định phụ cấp ưu đãi tại Nghị định này (vì tích hợp chế độ phụ cấp ưu đãi quy định tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ).

Điều 5. Phụ cấp thu hút

1. Các mức phụ cấp thu hút như sau:

a) Mức 70% tiền lương hàng tháng, bao gồm: mức lương chức vụ, ngạch, bậc hoặc cấp hàm và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đối với các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn.

b) Mức bằng 50% tiền lương hàng tháng, bao gồm: mức lương chức vụ, ngạch, bậc hoặc cấp hàm và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đối với các xã khu vực II thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

2. Thời gian hưởng phụ cấp thu hút là thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và không quá 5 năm.

3. Cách tính:

Mức tiền phụ cấp thu hút được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp thu hút} = \text{Mức lương cơ sở} \times \left[\begin{array}{l} \text{Hệ số lương theo chức vụ,} \\ \text{ngạch, bậc hoặc cấp hàm hiện} \\ \text{hưởng + hệ số phụ cấp chức vụ} \\ \text{lãnh đạo (nếu có) + \% (quy theo} \\ \text{hệ số) phụ cấp thâm niên vượt} \\ \text{khung (nếu có)} \end{array} \right] \times \begin{array}{l} 70\% \text{ hoặc} \\ 50\% \end{array}$$

Điều 6. Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này được hưởng phụ cấp hàng tháng tính theo thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nếu có thời gian đứt quãng thì được cộng dồn như sau:

a) Thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Khoản 1 Điều này là tổng thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (nếu có thời gian đứt quãng thì được cộng dồn), bao gồm:

- Thời gian làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội,
- Thời gian làm việc trong quân đội nhân dân và công an nhân dân.

2. Các mức phụ cấp:

a) Mức 0,5 so với mức lương cơ sở áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 5 năm đến dưới 10 năm.

b) Mức 0,7 so với mức lương cơ sở áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 10 năm đến dưới 15 năm.

c) Mức 1,0 so với mức lương cơ sở áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 15 năm trở lên.

3. Cách tính:

Mức tiền phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp công tác lâu năm} = \frac{\text{Mức lương cơ sở}}{\text{Mức phụ cấp được hưởng theo thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn}} \times$$

Điều 7. Trợ cấp lần đầu và trợ cấp chuyển vùng

Cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đến công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ 03 năm trở lên đối với nữ và từ 05 năm trở lên đối với nam được hưởng trợ cấp như sau:

1. Trợ cấp lần đầu bằng 10 tháng lương cơ sở.

2. Trường hợp có gia đình chuyển đi theo thì ngoài trợ cấp lần đầu, còn được trợ cấp tiền tàu xe, cước hành lý cho các thành viên trong gia đình cùng đi và hưởng trợ cấp chuyển vùng bằng 12 tháng lương cơ sở cho hộ gia đình; được tính theo giá vé, giá cước thực tế của phương tiện giao thông công cộng hoặc thanh toán theo mức khoán trên cơ sở số km đi thực tế nhân với đơn giá phương tiện vận tải công cộng thông thường (tàu, thuyền, xe ô tô khách).

3. Trợ cấp lần đầu, trợ cấp chuyển vùng và trợ cấp tiền tàu xe, cước hành lý cho các thành viên trong gia đình do cơ quan, tổ chức, đơn vị ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nơi tiếp nhận, bố trí phân công công tác chi trả.

4. Chỉ thực hiện một lần mức trợ cấp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong cả thời gian công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và được chi trả ngay khi cán bộ, công chức, viên chức đến nhận công tác và được tính theo mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại thời điểm chi trả.

Điều 8. Trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch

1. Cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa được trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày sau khi đã trừ phần chi phí nước ngọt sinh hoạt được tính trong tiền lương.

2. Vùng thiếu nước ngọt và sạch theo mùa là vùng do điều kiện tự nhiên không có nước hoặc có nhưng không đủ phục vụ nhu cầu sinh hoạt từ 01 tháng liên tục trở lên trong năm.

3. Mức trợ cấp:

a) Căn cứ để tính trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho một người bao gồm:

Định mức tiêu chuẩn: 6 mét khối/người/tháng (a).

Số tháng thực tế thiếu nước ngọt và sạch trong 1 năm (b).

Chi phí mua và vận chuyển 1 mét khối nước ngọt và sạch đến nơi ở và nơi làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định (c).

Giá nước ngọt và sạch để tính chi phí nước ngọt và sạch trong tiền lương là giá kinh doanh một mét khối nước sạch do cấp có thẩm quyền ở địa phương quy định (d).

b) Cách tính:

Mức trợ cấp được hưởng 1 tháng là: $a \times (c - d)$.

Mức trợ cấp được hưởng trong 01 năm là: $a \times (c - d) \times b$.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của các xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc quyền quản lý để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định vùng thiếu nước ngọt và sạch, thời gian và mức hưởng trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngoài và sạch cho phù hợp. Riêng người hưởng lương trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 9. Trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu

1. Cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đang công tác và có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 10 năm trở lên, khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu thì được hưởng trợ cấp một lần đối với thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Mức trợ cấp một lần được quy định như sau: Mỗi năm công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được trợ cấp bằng 1/2 (một phần hai) tiền lương tháng hiện hưởng, bao gồm: mức lương chức vụ, ngạch, bậc hoặc cấp hàm và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có tại thời điểm chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu.

Điều 10. Thanh toán tiền tàu xe

Trong thời gian làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này nghỉ hàng năm, nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng được hưởng lương theo quy định của pháp luật về lao động được thanh toán tiền tàu xe đi và về thăm gia đình.

Điều 11. Trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cử đi học bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm ở trong nước thì được hỗ trợ:

- a) Tiền mua tài liệu học tập (không tính tài liệu tham khảo) theo hóa đơn hoặc phiếu thu tiền hợp pháp,
- b) 100% tiền học phí theo hóa đơn hoặc phiếu thu tiền hợp pháp của cơ sở đào tạo,
- c) Chi phí đi lại từ cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đang công tác đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ, tết).

Các khoản chi nêu trên không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

2. Trường hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo kết quả phân loại đánh giá hàng năm của cơ quan có thẩm quyền thì được cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức đi tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong nước mỗi năm 1 lần, tối đa không quá 15 ngày và được thanh toán tiền mua vé tàu, xe, tiền thuê chỗ ở và phụ cấp lưu trú theo chế độ công tác phí hiện hành và các chi phí phát sinh từ việc tổ chức đi tham quan thực tế, có đủ chứng từ hợp lệ và trong phạm vi dự toán được duyệt.

3. Trường hợp tự học và sử dụng thành thạo tiếng dân tộc ít người ở địa phương (bao gồm cả người dân tộc ít người tự học và sử dụng tiếng dân tộc ít người khác) để phục vụ công tác chuyên môn của mình, được cơ quan quản lý có thẩm quyền cấp chứng chỉ hoặc xác nhận thì được hỗ trợ 01 lần tiền mua tài liệu và trợ cấp tiền bồi dưỡng cho việc tự học tiếng và chữ viết của người dân tộc ít người. Mức chi cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng không quá

3.000.000 đồng/người đối với việc tự học 01 loại chữ viết và tiếng dân tộc ít người, không quá 5.000.000 đồng/người đối với việc tự học 02 loại chữ viết và tiếng dân tộc ít người.

Điều 12. Thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tính hưởng và không tính hưởng các loại phụ cấp, trợ cấp

1. Thời điểm tính hưởng phụ cấp thu hút như sau:

a) Trường hợp đến công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành và hiện nay còn đang công tác ở vùng đó thì được tính hưởng phụ cấp thu hút kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

b) Trường hợp đến công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tính hưởng phụ cấp thu hút kể từ tháng có quyết định tiếp nhận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nếu có tháng lẻ thì được tính như sau:

a) Dưới 03 (ba) tháng thì không tính.

b) Từ đủ 03 (ba) tháng đến đủ 06 (sáu) tháng thì được tính bằng 1/2 (một phần hai) năm công tác.

c) Từ trên 06 (sáu) tháng thì được tính bằng 01 (một) năm công tác.

3. Cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn không được hưởng các loại phụ cấp, trợ cấp quy định tại Nghị định này trong các khoảng thời gian như sau:

a) Thời gian đi công tác, làm việc, học tập không ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ 01 tháng trở lên.

b) Thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên.

c) Thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

d) Thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam.

4. Trường hợp nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thôi hưởng chế độ phụ cấp, trợ cấp

quy định tại Nghị định này kể từ ngày nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 13. Công tác lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán

1. Công tác lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp, trợ cấp theo quy định tại Nghị định này thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Các khoản phụ cấp, trợ cấp quy định tại Nghị định này được hạch toán theo Chương, loại, khoản tương ứng và các mục, tiểu mục như sau:

a) Phụ cấp thu hút được hạch toán vào mục 6.100, tiểu mục 6.103.

b) Phụ cấp công tác lâu năm được hạch toán vào mục 6.100, tiểu mục 6.121.

c) Các khoản trợ cấp, hỗ trợ.

- Trợ cấp lần đầu, trợ cấp chuyển vùng, trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch, trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu được hạch toán vào mục 6.250, tiểu mục 6.299.

- Hỗ trợ học phí được hạch toán vào mục 6.150, tiểu mục 6.155.

- Hỗ trợ tiền thuê nhà ở được hạch toán vào mục 6.700, tiểu mục 6.703.

- Hỗ trợ tiền tàu xe được hạch toán vào mục 6.700, tiểu mục 6.701.

- Hỗ trợ tiền mua tài liệu học tập được hạch toán vào mục 7.000, tiểu mục 7.003.

- Hỗ trợ tiền mua tài liệu và trợ cấp bồi dưỡng tiền tự học tiếng dân tộc được hạch toán vào mục 6.150, tiểu mục 6.155.

3. Các khoản phụ cấp, trợ cấp quy định tại Nghị định này không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế.

Điều 14. Tổng hợp nhu cầu kinh phí

1. Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này được tổng hợp chung vào nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương và xử lý nguồn chi cải cách tiền lương theo quy định.

2. Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Các cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm xét duyệt và lập dự toán kinh phí cho đối tượng theo quy

định tại Nghị định này và gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp theo phân cấp ngân sách hiện hành (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp).

b) Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp thẩm định và tổng hợp nhu cầu kinh phí tăng thêm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này gửi Sở Tài chính.

c) Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp nhu cầu kinh phí tăng thêm trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp, lập báo cáo gửi Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết theo quy định.

3. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan của Đảng và tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

b) Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp thẩm định và tổng hợp nhu cầu kinh phí tăng thêm gửi cơ quan quản lý cấp trên cho tới Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan của Đảng và tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan của Đảng và tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương chịu trách nhiệm thẩm định, tổng hợp, lập báo cáo gửi Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018.

2. Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 11 và Điều 14 Chương 3 Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và Khoản 2, Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính

phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành:

a) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn.

b) Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

c) Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này.

d) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định và bố trí nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc